

Salymet

THUỐC DÙNG NGOÀI
ĐỂ XA TẮM TAY CỦA TRẺ EM
ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG
NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN, XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SĨ.
THÔNG BÁO NGAY CHO BÁC SĨ HOẶC DƯỢC SĨ NHỮNG TÁC DỤNG KHÔNG
MONG MUỐN GẶP PHẢI KHI SỬ DỤNG THUỐC

1. Thành phần công thức thuốc

Thành phần hoạt chất:

- Methyl salicylat2,7 g
 - Menthol1,2 g
 - Camphor1 g
- Thành phần tá dược: Sáp ong, cetyl alcohol, dầu parafin, polysorbat 80, mùi lavender vừa đủ 10g.

2. Dạng bào chế

- Thuốc mỡ xoa bóp.
- Chế phẩm màu vàng nhạt, mùi thơm đặc biệt của Methyl salicylat.

3. Chỉ định

- Trị nhức mỏi tại chỗ do vận động quá độ, sưng đau, tê thấp.
- Đau nhức do cảm cúm.

4. Cách dùng và Liều dùng

Dùng ngoài da để xoa bóp, chà xát tại chỗ đau 2-3 lần mỗi ngày.

5. Chống chỉ định

- Quá mẫn cảm với một trong các thành phần của thuốc.
- Trẻ em dưới 30 tháng tuổi.
- Trẻ em có tiền sử động kinh hoặc co giật do sốt cao.

6. Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc

- Không thoa thuốc lên vùng xung quanh mắt và niêm mạc mắt.
- Không thoa thuốc lên vết thương hở, chảy máu.

7. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú

Không bôi thuốc ở vùng da tiếp cận với trẻ (vú, vùng ngực quanh vú).

8. Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe và vận hành máy móc:

Chưa có bằng chứng về ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc.

9. Tương tác của thuốc:

Chưa thấy báo cáo.

10. Tương kỵ của thuốc:

do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

11. Tác dụng không mong muốn của thuốc

Nếu bôi thuốc lên vùng da rộng hay vùng da bị tổn thương với liều dùng quá mức, có thể gây ra sự hấp thu thuốc toàn thân với triệu chứng chóng mặt, ù tai, điếc tai, ra mồ hôi, buồn nôn, nôn, nhức đầu, co giật.

12. Quá liều và cách xử trí:

- **Quá liều:** Không có dữ liệu về sử dụng thuốc quá liều, không dùng quá liều chỉ định của thuốc.
- **Cách xử trí:** Tích cực theo dõi để có biện pháp xử trí kịp thời.

13. Đặc tính dược lực học

- Nhóm dược lý: Không có.
- Mã ATC: Methyl salicylat: không có; Menthol: không có; Camphor: C01E B02
- Methyl salicylat là thuốc kháng viêm không steroid. Methyl salicylat và những salicylat khác có đặc tính giảm đau, kháng viêm và hạ sốt. Methyl salicylat được hấp thu qua da, có tác dụng dẫn huyết lưu thông làm giảm đau nhức lưng, đau nhức thần kinh tọa và những bệnh đau nhức gốc phong thấp.
- Khi chà xát trên da, menthol ức chế các thụ thể cảm giác gây đau.
- Long não kích thích tận cùng các dây thần kinh và làm giảm đau.

15. Quy cách đóng gói:

Hộp 1 tuýp 10 g.

16. Điều kiện bảo quản

- Ở nhiệt độ không quá 30°C.
- Đóng nắp ngay sau khi dùng.

17. Hạn dùng

- 30 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Chỉ dùng trong 2 tháng sau khi mở nắp tuýp.

18. Tiêu chuẩn chất lượng của thuốc: TCCS

19. Tên, địa chỉ của cơ sở sản xuất thuốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

367 Nguyễn Trãi, Q. 1, TP. HCM, Việt Nam.

Sản xuất tại nhà máy GMP - WHO

1/67 Nguyễn Văn Quát, Quận 12, TP. HCM, Việt Nam.

